TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 11 - 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Ông Lý Văn Til

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 738/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Quốc V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp TB A2, xã TTH, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Thuý H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp TB A2, xã TTH, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Trần Quốc V trình bày: Ông và bà Trần Thị Thúy H chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2011. Vợ chồng ông có 02 người con chung tên Trần Lan V1, sinh ngày 02/5/2012 và Trần Quốc A, sinh ngày 16/7/2015. Quá trình chung sống, giữa ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2018 bà H về sinh sống tại nhà mẹ ruột tại khu vực A, phường CVL, quận OM, thành phố Cần Thơ. Bản thân ông cảm thấy mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục nên cũng không mong muốn hàn gắn. Khi về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì vợ ông đi cùng cháu Quốc A. Hiện nay cháu V1 vẫn sinh sống cùng ông. Cho đến thời điểm này, ông cảm thấy không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Ông và bà H không có tạo lập được tài sản và không có nợ ai. Hiện nay ông đang công tác tại Ngân hàng S, bà H là giáo viên mầm non. Cả hai đều có công việc và thu nhập ổn định. Ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V1, bà H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quốc A. Mong Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn và con chung của ông với bà H. Cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung (không có). Đồng thời, ông V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn Trần Thị Thúy H trình bày: Bà và ông Trần Quốc V chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2011. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, bà H trình bày thống nhất với lời trình bày của ông V. Quá trình chung sống, vợ chồng bà cũng không phát sinh mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây có lẽ ông V có tình cảm với người khác nên ông V không còn tình cảm với bà. Ông V thường xuyên có những lời lẽ cộc cằn với bà. Đỉnh điểm là một buổi sáng, vợ chồng không mâu thuẫn gì nhưng ông V đuổi bà về nhà cha mẹ ruột của bà. Vì vậy, bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Bà cảm thấy ông V không còn tình cảm với bà nên bà đồng ý ly hôn với ông V. Hiện nay, cháu Quốc A vẫn sinh sống cùng bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Quốc A, và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý

giao cháu Trần Lan V1 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu V1. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Cháu Trần Lan V1 trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha; Cháu Trần Quốc Anh trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Quốc V đối với bà Trần Thị Thúy H; giao cháu Trần Lan V1 cho ông Trần Quốc V trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trần Quốc A cho bà Trần Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Quốc V và bà Trần Thị Thúy H không phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn và bị đơn xác định không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Quốc V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Thúy H có địa chỉ thường trú tại ấp TB A2, xã TTH, huyện TL, TP. Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc V và bà Trần Thị Thúy H chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa ông V và bà H là tự nguyện và hợp pháp. Ông V xác định vợ chồng ông phát

sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và đã không còn chung sống, quan tâm lẫn nhau. Bà H không thừa nhận có mâu thuẫn gì xuất phát từ phía vợ chồng, tuy nhiên thừa nhận cả hai không còn chung sống cùng nhau. Đến thời điểm này thì cả hai không còn tình cảm với nhau và thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông V và bà H đã chọn không sống cùng nhau từ năm 2018 cho đến nay, cả hai đều không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Đủ căn cứ xác định đời sống hôn nhân giữa ông V và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông V và bà H.

[3] Về con chung: Ông V và bà H có 02 người con chung tên Trần Lan V1, sinh ngày 02/5/2012 và Trần Quốc A, sinh ngày 16/7/2015. Hiện nay cháu V1 sống cùng ông V và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông V, cháu Quốc A đang sống cùng và H và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà H. Ông V và bà H thống nhất với nguyện vọng của cháu V1 và cháu Quốc A. Cả hai không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, nhằm ổn định môi trường sống của cháu V1 và cháu Quốc A, đồng thời đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của các cháu và tôn trọng nguyện vọng chính đáng của các cháu, cần tiếp tục giao cháu V1 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quốc A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V và bà H có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V và bà H đều không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Trần Quốc V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Quốc V và bà Trần Thị Thúy H.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Trần Lan V1, sinh ngày 02/5/2012 cho Trần Quốc V trực tiếp nuôi dưỡng;

2.2. Giao cháu Trần Quốc A, sinh ngày 16/7/2015 cho bà Trần Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Ông Trần Quốc V và bà Trần Thị Thúy H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Quốc V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ông V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004366 ngày 25/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- TANDTPCT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm